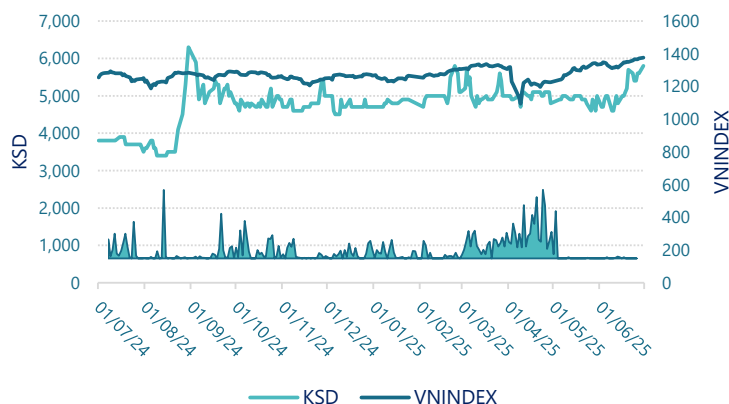


CTCP Đầu tư DNA (HNX: KSD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,400
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,835
% sở hữu nước ngoài	25.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	70
P/E	82.0
EPS	71

DT thuần

Q2/25

7.88

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.72| -32.1%

YoY: ▼3.22| -29.0%

LN sau thuế

Q2/25

-1.65

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.94| -670%

YoY: ▼0.40| -32.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-20.2%

+/- YoY: ▼ 10.2%

DT thuần

6T 2025

19.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.00| -4.9%

LN sau thuế

6T 2025

-1.36

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.66| 32.5%

ROE

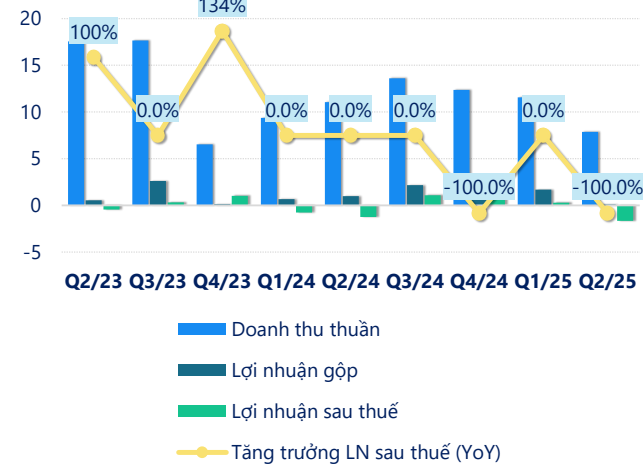
Q2/25

0.7%

+/- YoY: ▲ 1.3%

tỷ VNĐ

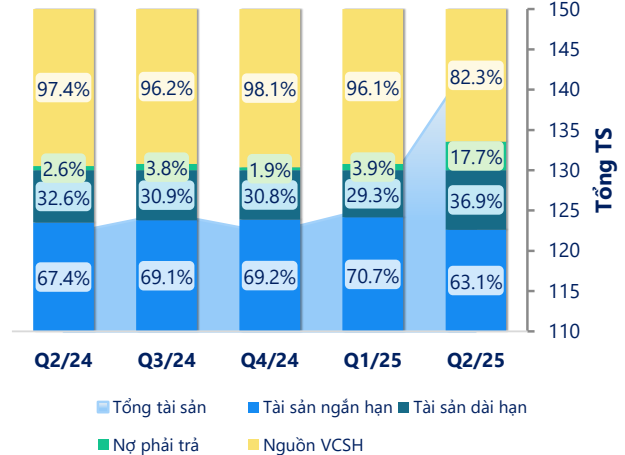
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

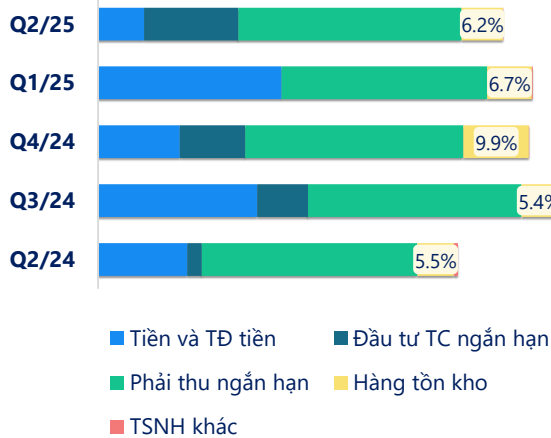
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



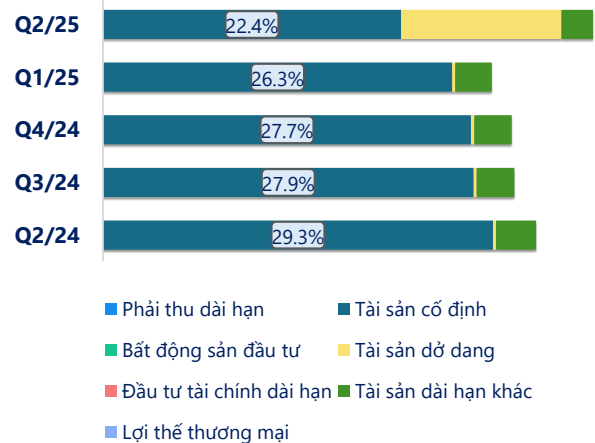
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

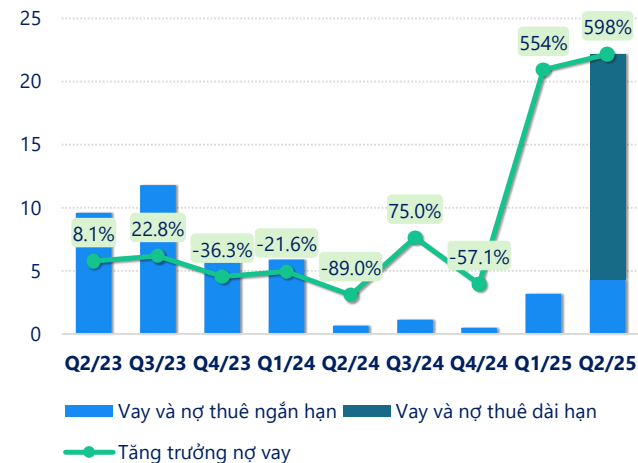
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

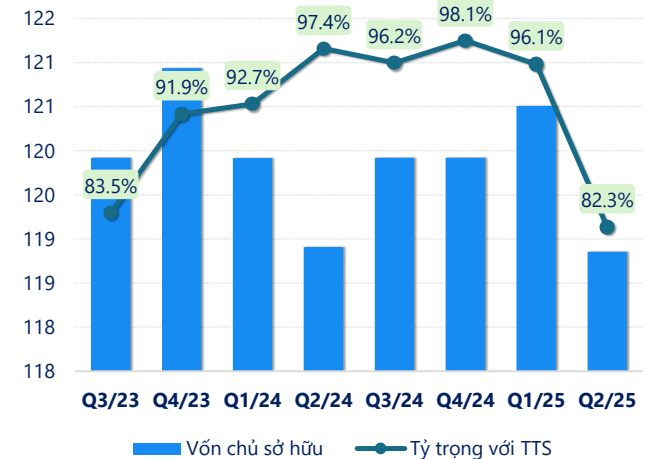
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

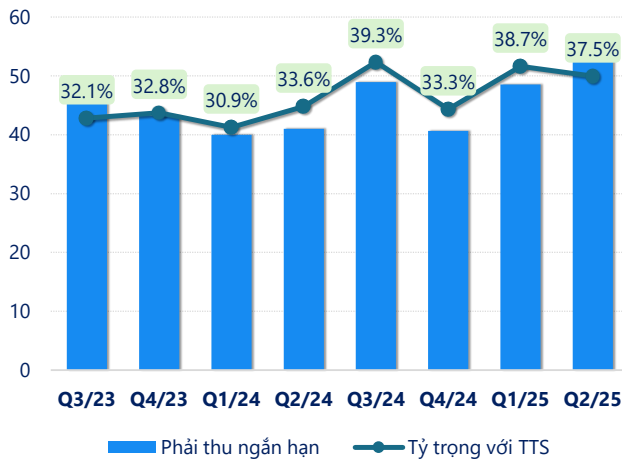
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



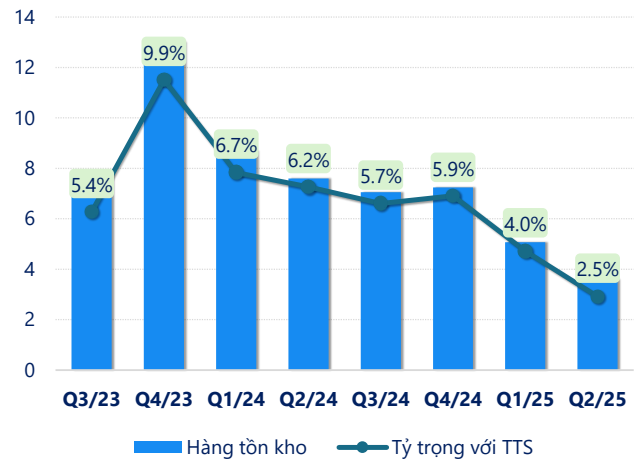
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


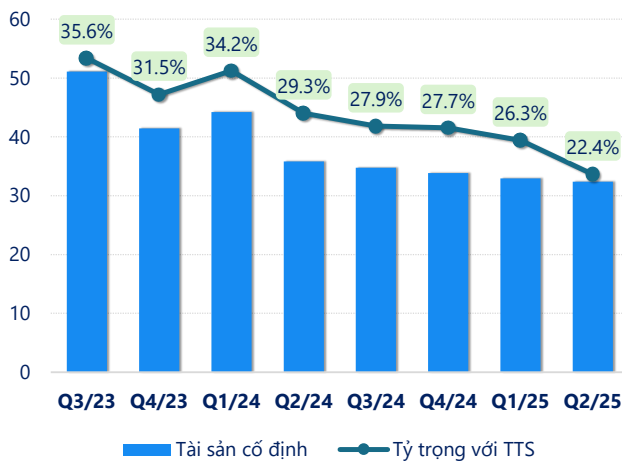
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


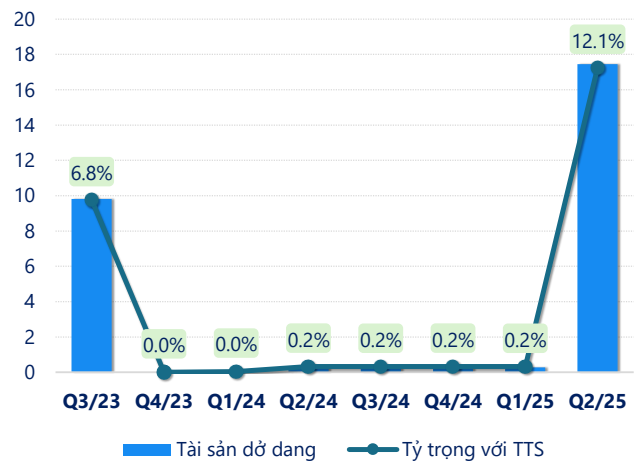
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

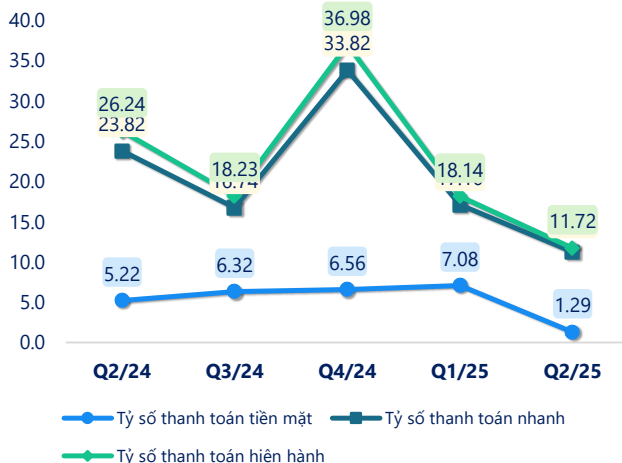
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

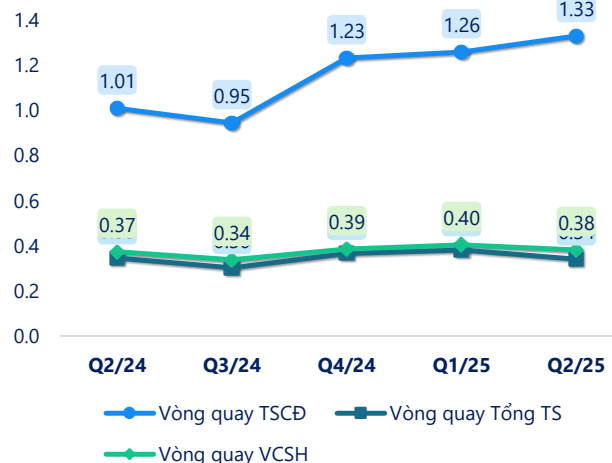
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	122	125	122	125	144
Tài sản ngắn hạn	82.3	86.1	84.6	88.7	91.2
Tiền và tương đương tiền	16.4	29.8	15.0	34.6	10.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.3	0	21.2	0	21.5
Phải thu ngắn hạn	41.0	48.9	40.6	48.5	54.1
Hàng tồn kho	7.60	7.06	7.24	5.07	3.61
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0.25	0.52	0.49	1.97
Tài sản dài hạn	39.8	38.6	37.6	36.7	53.3
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	35.8	34.7	33.8	32.9	32.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.28	0.28	0.28	0.28	17.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.68	3.55	3.46	3.46	3.43
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	3.14	4.72	2.29	4.89	25.6
Nợ ngắn hạn	3.14	4.72	2.29	4.89	7.79
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.65	1.13	0.49	3.17	4.30
Phải trả người bán ngắn hạn	0.72	0.95	0.24	0.31	0.23
Nợ dài hạn	0	0	0	0	17.9
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	17.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	119	120	120	121	119
Vốn chủ sở hữu	119	120	120	121	119
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)